

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 10 - 8 - 2023.

V/v “Ly hôn, tranh chấp
con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lư Văn Sĩ.

2. Bà Hoàng Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022, về “Ly hôn, tranh chấp con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp T, xã A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Tseng C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: A, B, C, D, Đài Loan (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm N trình bày: Chị và anh Tseng C có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 11 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Sau khi kết hôn, anh Tseng C làm thủ tục bảo lãnh chị sang Đài Loan nhưng chị phỏng vấn không đạt. Thời gian chung sống chị và anh Tseng

C phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về ngôn ngữ, tính tình không hợp nhau. Chị và anh Tseng C ly thân từ cuối tháng 5/2020. Nay chị Phạm N yêu cầu được ly hôn với anh Tseng C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Tseng C có 01 con chung là cháu Phạm H, giới tính nam, sinh ngày 12/5/2020. Hiện nay cháu Phạm H đang sống cùng với chị tại Việt Nam. Nay chị yêu cầu được quyền nuôi cháu Phạm H, không yêu cầu anh Tseng C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm N khai không có.

Đối với bị đơn là anh Tseng C, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan để tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự cho anh Tseng C, nhưng anh Tseng C vắng mặt và cũng không có gửi văn bản nêu ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm N đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu, trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm N được ly hôn với anh Tseng C, được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho Tseng C không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Phạm N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng về tài sản chung, nợ chung đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm N, địa chỉ thường trú tại Ấp T, xã A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Tseng C cư trú tại Đài Loan. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

[2] Bị đơn anh Tseng C đã được Tòa án tiến hành thực hiện ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Anh Tseng C đã được triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành văn bản tố tụng của Tòa án và không gửi văn bản nêu ý

kiến đề phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 474, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tseng C.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm N và anh Tseng C có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 11 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét thấy, chị Phạm N cho rằng hôn nhân giữa chị và anh Tseng C không hạnh phúc, hai bên không còn quan tâm và liên lạc với nhau. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Phạm N và anh Tseng C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị Phạm N được ly hôn với anh Tseng C là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Tseng C có 01 con chung là cháu Phạm H, (giới tính: Nam), sinh ngày 12/5/2020. Xét thấy, từ khi ly thân chị Phạm N trực tiếp nuôi con chung, phía anh Tseng C không tới lui thăm nom, chăm sóc con chung. Do đó, chị Phạm N có yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp nên được chấp nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh Tseng C không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Phạm N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm N khai không có.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; lệ phí ủy thác tư pháp; chi phí dịch thuật hồ sơ ủy thác tư pháp (Thông báo về việc thụ lý vụ án): Chị Phạm N phải chịu theo quy định.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 470, Điều 474, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Thông tư số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-

TANDTC ngày 19/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 122 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm N được ly hôn với anh Tseng C.
2. Về con chung: Chị Phạm N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm H, (giới tính: Nam), sinh ngày 12/5/2020. Anh Tseng C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Tseng C không ai được cản trở.
3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí chị Phạm N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0000178 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí.
4. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Phạm N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp chị Phạm N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0000221 ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành lệ phí ủy thác tư pháp.
5. Về chi phí dịch thuật hồ sơ ủy thác tư pháp (Thông báo về việc thụ lý vụ án): Chị Phạm N phải chịu 1.400.000 đồng (đã nộp xong).
6. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án và bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- UBND thành phố Vị Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Đình Nghệ